

*

CHỦ ĐỀ ĐẠI HỘI

Nâng cao năng lực lãnh đạo, đẩy mạnh thực hiện tự chủ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao uy tín của Nhà trường trong đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TRƯỜNG NHIỆM KỲ 2015 - 2020

Nhiệm kỳ XX (2015-2020) diễn ra trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; nước ta ngày một hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, nền kinh tế tăng trưởng khá, liên tục và ổn định, nằm trong nhóm nước có thu nhập trung bình. Tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh khu vực Nam trung bộ và Tây nguyên tiếp tục có bước phát triển về kinh tế xã hội nhất là lĩnh vực du lịch, dịch vụ và kinh tế biển. Giáo dục đại học ngày càng đóng vai trò quan trọng như là động lực phát triển kinh tế xã hội, đổi mới và khởi nghiệp sáng tạo; hệ thống giáo dục đại học trong quá trình đổi mới căn bản, toàn diện và hội nhập quốc tế; các trường đại học công lập đứng trước yêu cầu cấp bách phải tự chủ toàn diện. Trường Đại học Nha Trang bước sang tuổi 60 với truyền thống đoàn kết, hội nhập, năng động, trách nhiệm và luôn tự đổi mới hướng tới tương lai. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ Nhà trường đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo mọi mặt công tác của Nhà trường cụ thể như sau.

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I.1. Công tác Đảng

I.1.1. Công tác xây dựng Đảng

1. Công tác tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, lãng phí được thực hiện thường xuyên gắn với việc triển khai thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị

quyết Trung ương 4 khóa XI và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, góp phần nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (CBVC) trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

2. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng và tiến hành thường xuyên, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà trường, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của CBVC và người học.

3. Tập trung chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị trong toàn Trường đảm bảo không trùng lắp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ; triển khai Đề án vị trí việc làm và bản mô tả vị trí việc làm.

4. Thực hiện đồng bộ các nội dung công tác cán bộ, chú trọng và tăng cường tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, cán bộ nữ, cán bộ trẻ tuổi; nâng cao chất lượng quy hoạch cán bộ và thực hiện các bước tiếp theo sau quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch cán bộ nguồn lãnh đạo Nhà trường; bố trí, bổ nhiệm cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý đảm bảo nguyên tắc, tiêu chuẩn và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Quan tâm chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, chuyên môn.

5. Công tác tổ chức xây dựng Đảng được quan tâm chú ý, trong nhiệm kỳ đã thành lập mới 01 chi bộ (khoa Du lịch), sáp nhập Chi bộ Phòng Khoa học Công nghệ - Hợp tác đối ngoại và Chi bộ Phòng Kế hoạch - Tài chính thành chi bộ Phòng Khoa học - Đối ngoại - Tài chính; bổ sung 01 ủy viên Ban Thường vụ; kiện toàn Ủy ban kiểm tra. Đầu nhiệm kỳ đã tổ chức lớp bồi dưỡng cấp ủy; hàng năm tổ chức các lớp bồi dưỡng đảng viên mới; lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho quần chúng ưu tú. Triển khai quy hoạch bí thư chi bộ nhiệm kỳ 2020-2022.

6. Thực hiện tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, Ban Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo các cấp ủy gương mẫu, thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình hàng năm; trực tiếp dự, chỉ đạo việc kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân được phân công phụ trách; tăng cường kiểm tra, gợi ý kiểm điểm đối với một số tập thể, cá nhân, coi trọng việc sửa chữa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình; kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh những sai sót của các tổ chức đảng, đơn vị, từng cá nhân.

Việc thực hiện trách nhiệm nêu gương và các chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên được triển khai tương đối đồng bộ trong Nhà trường. Nhiều cán bộ, đảng

viên, nhất là người đứng đầu đã đề cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống; gương mẫu đi đầu, tận tụy với công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cùng với đề cao trách nhiệm nêu gương, việc xử lý kỷ luật nghiêm minh những đảng viên vi phạm, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" đã giúp mỗi cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa, tự điều chỉnh hành vi, tích cực rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong công tác, trong nhiệm kỳ đã kỷ luật ở mức khiển trách 3 đảng viên, xoá tên 6 đảng viên, cho ra khỏi Đảng 01 đảng viên.

7. Ủy ban Kiểm tra chủ động tham mưu Đảng ủy và thực hiện toàn diện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng. Những trường hợp có dấu hiệu vi phạm được triển khai kiểm tra làm rõ và xử lý.

8. Công tác phát triển Đảng được quan tâm, trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 142 đảng viên mới, trong đó 107 đảng viên sinh viên. Đảng ủy đã tổ chức đánh giá công tác phát triển Đảng trong sinh viên để điều chỉnh cho phù hợp.

I.1.2. Công tác chính trị và tư tưởng

1. Tổ chức thường xuyên công tác phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Tỉnh ủy Khánh Hòa, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế, nhiệm vụ của Nhà trường cho toàn thể đảng viên, cán bộ và SV. Duy trì công tác báo cáo tình hình thời sự cho toàn thể đảng viên tại các buổi sinh hoạt chi bộ thường kỳ.

Xây dựng, triển khai thực hiện và rà soát việc thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường khóa XX, Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa khóa XVII và Đại hội Đảng toàn quốc khóa XII; Chương trình công tác dân vận.

2. Huy động được toàn thể cấp ủy, các cấp chính quyền và tổ chức đoàn thể Nhà trường tham gia công tác bồi dưỡng cho CBVC và người học tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm đối với Trường và xã hội.

3. Thành lập và triển khai hoạt động Tổ báo cáo viên của Đảng ủy (gồm 11 đồng chí). Tổ đã làm tốt công tác báo cáo các chuyên đề cho các lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng và lớp đảng viên mới.

4. Tổ chức hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền với các hình thức đa dạng, phong phú, đặc biệt là trên các trang mạng xã hội - đây chính là điểm mạnh, đạt nhiều kết quả tích cực trong nhiệm kỳ 2015 - 2020.

5. Trong nhiệm kỳ, các đơn vị chức năng và tổ chức đoàn thể của Nhà trường (nòng cốt là Tổ công tác 35) thường xuyên nắm bắt diễn biến tư tưởng của cán bộ viên chức, người lao động và người học đặc biệt là khi tham gia các trang mạng xã hội, kịp thời điều chỉnh những biểu hiện chưa đúng, chưa phù hợp.

6. Công tác giảng dạy và đánh giá các môn lý luận chính trị thường xuyên được đổi mới theo hướng thiết thực, hiệu quả và bước đầu đạt được kết quả tích cực trong việc học tập các môn học này.

7. Xây dựng, triển khai thực hiện Đề án công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng giai đoạn 2015 - 2020 một cách toàn diện, thiết thực và hiệu quả.

8. Xây dựng, triển khai thực hiện quy chế phối hợp về công tác tư tưởng giữa các đơn vị và tổ chức đoàn thể.

9. Hàng năm, tổ chức có hiệu quả các lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng và lớp đảng viên mới. Việc tổ chức sinh hoạt chính trị đầu năm học cho CBVC và SV được duy trì, đổi mới và đi vào nề nếp.

10. Công tác tuyên truyền “Người tốt, việc tốt” trong SV được duy trì thường xuyên, góp phần nhân rộng gương điển hình, thúc đẩy phong trào “Học tập tốt, rèn luyện tốt”.

11. Thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh:

Hàng năm, Đảng ủy tổ chức quán triệt, xây dựng và chỉ đạo các chi bộ xây dựng, triển khai kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (theo chủ đề của năm) bằng các công việc cụ thể, thiết thực. Chỉ đạo Công đoàn Trường tổ chức ký cam kết, triển khai thực hiện, sơ kết việc thực hiện các cam kết học tập và làm theo Bác trong toàn thể công đoàn viên, người lao động.

Thực tiễn công tác kiểm tra, giám sát và sơ kết của Công đoàn hàng năm, tổng kết của Đảng ủy và các chi bộ cho thấy ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của đa số cán bộ, đảng viên, viên chức và SV được nâng cao; nhiều việc làm cụ thể, thiết thực được thực hiện, góp phần thúc đẩy sự phát triển Nhà trường.

I.1.3. Công tác dân vận và đoàn thể

1. Đã xây dựng và ban hành được Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể, Nghị quyết về nâng cao hiệu quả công tác Dân vận

giai đoạn 2016-2020 và Chương trình công tác cho từng năm học. Qua đó, Đảng ủy kịp thời chỉ đạo, định hướng hoạt động của Ban Giám hiệu, các đơn vị, các đoàn thể và tổ chức chính trị xã hội một cách thống nhất, gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

2. Hoạt động của công đoàn và đoàn thanh niên đã được kế hoạch hóa và ngày càng đi vào chuyên nghiệp, thực chất, gắn kết với các hoạt động chung của Nhà trường và lợi ích của CBVC và người học, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và tăng cường quảng bá hình ảnh của Nhà trường.

3. Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã có nhiều đổi mới trong công tác tổ chức vận động và thu hút sinh viên vào các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi lành mạnh thông qua các câu lạc bộ, đội tình nguyện. Đoàn - Hội đã tổ chức được nhiều hoạt động tình nguyện tại chỗ và xa trường, xây dựng được một số công trình thanh niên tiêu biểu với tổng giá trị trên 1,2 tỷ đồng bằng nguồn kinh phí xã hội hoá. Cơ sở vật chất phục vụ cho việc sinh hoạt và hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của đoàn viên, sinh viên ngày càng được cải thiện.

4. Hội Cựu chiến binh, Ban Liên lạc Cựu Sinh viên và Hội Khuyến học đã xây dựng được chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể theo hướng gắn kết với các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường như công tác đảm bảo an ninh trật tự, công tác giáo dục chính trị tư tưởng và các hoạt động hỗ trợ sinh viên. Vì vậy, các hội quần chúng này ngày càng phát huy được vai trò trách nhiệm và có nhiều đóng góp thiết thực cho việc xây dựng, phát triển Nhà trường.

5. Các phong trào thi đua ngày càng đi vào thực chất, tạo ra sự gắn kết trong cán bộ viên chức, người lao động và người học góp phần tạo thành sức mạnh tổng hợp để hoàn thành tốt nhiệm vụ của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể và Nhà trường. Công tác chăm sóc sức khỏe và hoạt động thăm quan du lịch cho CBVC trong Nhà trường ngày càng được quan tâm, hàng năm Nhà trường đều tổ chức 1 lần khám sức khỏe và thăm quan du lịch cho toàn thể cán bộ viên chức, người lao động với mức hỗ trợ bình quân trên 1 triệu đồng/người.

6. Các hoạt động từ thiện xã hội luôn được chú trọng và quan tâm, trong giai đoạn 2015-2020, Công đoàn và Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Trường đã vận động được trên 2 tỷ đồng từ cán bộ viên chức, người lao động và doanh nghiệp ủng hộ các

quỹ xã hội từ thiện, ủng hộ các cán bộ viên chức, người lao động Nhà trường bị mắc bệnh hiểm nghèo, sinh viên nghèo và người dân tại các địa phương khó khăn.

7. Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao được quan tâm và hỗ trợ đúng mức. Hàng năm tổ chức nhiều cuộc thi thể dục thể thao, hội diễn văn nghệ, thi cắm hoa, nấu ăn, thi tìm hiểu về truyền thống của Đảng, Bác Hồ, Công đoàn Việt Nam, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và ngày truyền thống của Trường thu hút được đông đảo CBVC và người học tham gia, tạo ra không khí vui tươi phấn khởi tích cực lao động, học tập với năng suất, chất lượng cao.

I.2. Nhiệm vụ chính trị

I.2.1. Công tác tổ chức và nhân sự

1. Thành lập Hội đồng Trường và bước đầu điều chỉnh công tác quản trị Nhà trường theo tinh thần của Luật Giáo dục Đại học.

2. Hoàn chỉnh cập nhật sứ mạng, tầm nhìn, phương châm, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

3. Việc cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý ngày càng được chú trọng.

4. Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ; Sửa đổi bổ sung Quy chế dân chủ; thực hiện việc công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT được triển khai thực hiện nghiêm túc. Các hoạt động chào cờ, đối thoại, lấy ý kiến góp ý được duy trì thường xuyên và có chất lượng.

5. Công tác thanh tra, pháp chế, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng được triển khai thực hiện nghiêm túc, góp phần xây dựng Nhà trường dân chủ và giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật.

6. Đổi mới trong công tác tuyển dụng viên chức theo các quy định của pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng nguồn tuyển dụng.

7. Công tác đánh giá và phân loại lao động của CBVC được duy trì, đã kịp thời ghi nhận các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

8. Các tiêu chí thi đua, khen thưởng được cụ thể hóa phù hợp với mỗi hạng chức danh nghề nghiệp, tạo động lực để cán bộ viên chức và người lao động hăng hái thi đua tham gia xây dựng và phát triển Nhà trường.

9. Chế độ chính sách, thu nhập và điều kiện làm việc cho CBVC ngày càng được cải thiện.

I.2.2. Công tác tài chính và tài sản

1. Công tác thu chi tài chính, đầu tư cơ sở vật chất tuân thủ theo đúng các quy định của nhà nước, tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo nguồn tài chính ổn định để duy trì mọi hoạt động của Nhà trường.

2. Công tác quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất ngày càng chuyên nghiệp, phù hợp với thực tế Nhà trường, nâng cao hiệu quả sử dụng.

3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ đã được đầu tư bổ sung theo yêu cầu của các đơn vị, theo hướng đồng bộ, hiệu quả và từng bước hiện đại. Hệ thống phòng học chuyên đề được cải thiện sau khi đưa tòa nhà 12 tầng vào sử dụng.

4. Tiến hành cải tạo, chống xuống cấp các giảng đường G1, G2, ký túc xá K1, Khu hiệu bộ và khắc phục cơ bản thiên tai bão lụt.

5. Cảnh quan môi trường ngày càng sạch đẹp, hệ thống Wifi được nâng cấp, khu vui chơi và tự học của sinh viên ngày càng được cải thiện.

6. Đời sống cán bộ viên chức và người lao động tiếp tục được duy trì đảm bảo.

I.2.3. Công tác bảo đảm chất lượng

1. Ban hành Chính sách bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục Đại học sửa đổi nói chung, công tác kiểm định nói riêng, là cơ sở định hình và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong Nhà trường.

2. Hệ thống đảm bảo chất lượng Nhà trường ngày càng hoàn thiện và chuyên nghiệp hơn, cụ thể: Hội đồng Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) được thành lập để hỗ trợ và tư vấn cho các hoạt động bảo đảm chất lượng của Nhà trường. Hệ thống văn bản về bảo đảm chất lượng Nhà trường cơ bản đã được xây dựng có hệ thống và bài bản.

3. Kế hoạch ĐBCL của nhà trường được xây dựng hàng năm nhằm thực hiện việc cải tiến liên tục để nâng cao chất lượng nhà trường; đã phân công các đơn vị chủ trì đáp ứng các tiêu chuẩn của bộ kiểm định cơ sở giáo dục theo Thông tư 12/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

4. Công tác tập huấn và tổ chức hội thảo về ĐBCL được tổ chức định kỳ nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, viên chức nhằm triển khai hiệu quả công tác ĐBCL Nhà trường.

5. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá, đánh giá ngoài và đạt chuẩn kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục đại học lần thứ 2 năm 2018.

6. Lần đầu tiên hai chương trình truyền thống của Trường đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng CTĐT Việt Nam (Kỹ thuật Tàu thủy và Công nghệ Chế biến Thủy sản); đang triển khai tự đánh giá phục vụ kiểm định 14 chương trình đào tạo tiếp theo.

1.2.4. Công tác đào tạo và sinh viên

1. Đổi mới và đa dạng hóa các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, phát triển các chương trình đào tạo liên ngành, chuyên ngành trong ngành, cụ thể mở mới 5 ngành đào tạo trình độ đại học, 5 thạc sĩ (trong đó có ngành Quản lý thủy sản) và 2 tiến sĩ; chuyển 01 ngành hẹp sang ngành rộng, chuyển 06 ngành công nghệ kỹ thuật sang kỹ thuật.

2. Công tác tư vấn hướng nghiệp, quảng bá tuyển sinh ngày càng chuyên nghiệp và đi vào chiều sâu. Hoạt động tư vấn tuyển sinh phong phú, gắn kết trực tiếp với trường THPT trên địa bàn trọng điểm như Khánh Hòa, Ninh Thuận, Phú Yên.

3. Chương trình đào tạo được đánh giá, rà soát và cập nhật định kỳ dựa trên sứ mạng, tầm nhìn và nhu cầu của các bên liên quan; đã xây dựng Triết lý và mục tiêu giáo dục, chương trình giáo dục đại cương cho 04 nhóm ngành đào tạo. Tăng cường tính liên thông, nội dung chương trình cơ bản đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cập nhật chương trình đào tạo nhằm đáp ứng thay đổi của xã hội, chú trọng đến hướng nghiệp và kỹ năng mềm.

4. Phát triển được 2 chương trình đại học định hướng nghề nghiệp POHE, 2 chương trình song ngữ (Anh – Việt, Pháp – Việt) làm nền tảng phát triển và nhân rộng thêm nhiều ngành khác trong thời gian tới. Đào tạo 02 chương trình thạc sĩ bằng tiếng Anh và 01 chương trình bằng tiếng Pháp.

5. Triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ sinh viên học tập yếu kém, dựa trên khảo sát đánh giá khoa học, mang lại hiệu quả; tỉ lệ sinh viên yếu kém bỏ học giảm đáng kể, tỉ lệ sinh viên khá giỏi có xu hướng tăng lên hàng năm. Nhiều giải pháp và mô hình đào tạo nâng cao năng lực ngoại ngữ để người học đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đại học và sau đại học. Có nhiều cải tiến trong đào tạo kỹ năng mềm, từng bước đưa nội dung khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy ngoại khóa và chính khóa.

6. Ban hành gần 25 văn bản quy định, quy trình tổ chức, quản lý đào tạo và sinh viên theo hướng chuẩn hóa, hiện đại và hội nhập quốc tế. Đến nay, cơ bản xây dựng đủ văn bản quản lý đào tạo nhằm vận hành hoạt động này một cách đồng bộ và hiệu quả.

7. Tích cực thực hiện nhiều hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của GV. Mô hình Elearning được GV quan tâm ứng dụng, đề cương học phần rà soát và cập nhật hàng năm.

8. Các hoạt động ngoại khóa, đào tạo kỹ năng và tư vấn chuyên ngành được chú trọng; tỉ lệ sinh viên ra trường có việc làm đúng ngành nghề đào tạo đạt ở mức cao (có ngành đạt trên 90% như Nuôi trồng Thủy sản, Chế biến Thủy sản, Ngoại ngữ, Du lịch...).

9. Củng cố và kết nối các đầu mối cựu sinh viên ở nhiều tỉnh thành trên cả nước, tạo sự gắn kết, hỗ trợ sinh viên có nhiều cơ hội thực tập, việc làm sau khi ra trường. Ban Liên lạc Cựu Sinh viên gồm 40 thành viên là đại diện cựu sinh viên đã được kiện toàn để đồng hành và đóng góp cho sự nghiệp của Nhà trường.

1.2.5. Công tác khoa học và công nghệ

1. Đã rà soát xác định lại hướng nghiên cứu chiến lược, mũi nhọn để tập trung đầu tư, triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thuộc hướng nghiên cứu chiến lược, mũi nhọn, liên ngành và gắn với thế mạnh của đơn vị. Xây dựng và triển khai 13 nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản về hóa học, sinh học, kinh tế học làm cơ sở cho các nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sinh học, Nuôi trồng thủy sản và Kinh tế. Thành lập 09 nhóm nghiên cứu để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ theo các định hướng nghiên cứu của một số khoa, viện. Thương mại hoá 04 sản phẩm khoa học công nghệ.

2. Cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ được rà soát, cập nhật và bổ sung cho phù hợp: công tác lập kế hoạch, phân bổ ngân sách; công tác xây dựng đề xuất, viết thuyết minh; cơ chế khuyến khích cán bộ, giảng viên kết nối với các doanh nghiệp xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao; chính sách cho các nhóm nghiên cứu hoạt động; chế độ nghiên cứu viên; khuyến khích cán bộ, giảng viên đầu tư phát triển sản phẩm mới.

3. Cơ chế phối hợp giữa các phòng chức năng với các khoa/viện trong việc thẩm định, xét duyệt, triển khai, mua sắm, thanh quyết toán kinh phí, khen thưởng nhíp nhàng hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ nhiệm đề tài/dự án tập trung vào thực hiện nội dung chuyên môn của đề tài/dự án.

4. Công tác xét duyệt, đánh giá kết quả nghiên cứu được chú trọng và đi vào chiều sâu. Tăng cường mời các chuyên gia có uy tín bên ngoài trường tham gia vào các Hội đồng xét duyệt, đánh giá kết quả nghiên cứu. Số lượng đề tài, dự án các cấp

giai đoạn 2015 - 2020 tăng 15% so với giai đoạn 2010-2015. Giai đoạn này, cán bộ viên chức Nhà trường đã công bố được 733 bài báo trên các Tạp chí khoa học trong nước; 182 bài báo trên các tạp chí quốc tế (tạp chí quốc tế uy tín – ISI, SCI, SCIE, SSCI, ESCI, SCOPUS: 160 bài; tạp chí quốc tế khác: 22 bài). Chỉ số đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động KHCN từ năm 2015-2018 đạt từ 90 điểm trở lên.

5. Hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên hệ đại học chính quy được duy trì, khuyến khích và gắn với hoạt động nghiên cứu của giảng viên. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học được đưa vào hầu hết chương trình đào tạo của Nhà trường. Việc thực hiện luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh, luận văn thạc sĩ của học viên cao học đã bám sát với chiến lược và hoạt động nghiên cứu của khoa, viện và bộ môn.

6. Cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ được bổ sung, cập nhật thường xuyên trên website của Trường.

7. Hội thảo, hội nghị khoa học được tổ chức thường xuyên với sự tham gia của các đơn vị, doanh nghiệp ngoài trường và các chuyên gia, học giả trong và ngoài nước. Đặc biệt là các hội thảo khoa học liên quan đến lĩnh vực thủy sản và phát triển kinh tế biển.

I.2.6. Công tác hợp tác đối ngoại và phục vụ cộng đồng

1. Đã rà soát, ban hành mới một số văn bản quy định, quy trình tổ chức và quản lý thúc đẩy hoạt động hợp tác đối ngoại: Đề án đẩy mạnh Hợp tác đối ngoại Trường Đại học Nha Trang giai đoạn 2016 - 2021; Quy định về quản lý các dự án sử dụng hỗ trợ nước ngoài (2018); Cơ chế hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế.

2. Đã thiết lập được mạng lưới cộng tác viên làm đầu mối liên lạc và hỗ trợ các đơn vị trong công tác triển khai hoạt động hợp tác đối ngoại. Đội ngũ này đã phát huy được vai trò là đầu mối thu nhận, trao đổi thông tin giữa trường với các đơn vị và có những đóng góp bước đầu trong việc thúc đẩy công tác hợp tác đối ngoại tại đơn vị.

3. Công tác hợp tác, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước tiếp tục được duy trì và phát triển: giai đoạn 2015-2020, đã phát triển được 37 đối tác (nước ngoài) mới thông qua các biên bản ghi nhớ hợp tác (MoU), duy trì và củng cố quan hệ hợp tác với 9 đối tác; ký 62 hợp tác với các trường, viện, công ty, doanh nghiệp trong nước. Hoạt động hợp tác trong xây dựng và phát triển dự án quốc tế ngày càng cụ thể và đi vào chiều sâu với nhiều chương trình, dự án mới được triển khai (nổi bật là các dự án NORHED, Clime-Fish, TUNASIA, V2WORK, dự án PEER 3, PEER 6, ACCESS, các

dự án do IFS, hợp tác với FAO, UNCTAD, ILP, VLIR, AUF tài trợ). Các dự án này đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu của Trường đồng thời gia tăng vị thế, ảnh hưởng của Nhà trường trong cộng đồng khu vực.

4. Tổ chức tốt công tác lễ tân, quản lý đoàn ra đoàn vào. Hoạt động thu hút sinh viên nước ngoài đến giao lưu, học tập, nghiên cứu tại trường và cử sinh viên tham gia các khóa học tại các đơn vị đào tạo, nghiên cứu ở nước ngoài tiếp tục được quan tâm và đi vào chiều sâu.

5. Hoạt động quảng bá truyền thông ngày càng được tổ chức một cách chuyên nghiệp, được kế hoạch hóa theo từng năm học; công tác truyền thông giáo dục cũng như quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Nhà trường được triển khai một cách đồng bộ, phong phú và đa dạng.

6. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được nhìn nhận đầy đủ và đẩy mạnh hơn. Nhà trường đã xây dựng và ban hành chính sách phục vụ cộng đồng phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng đã công bố. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đã được đưa vào trong kế hoạch công tác hàng năm và phân công cụ thể cho các đơn vị, các tổ chức đoàn thể và cá nhân thực hiện. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, gắn với thế mạnh của Nhà trường, thu hút ngày càng nhiều đơn vị và cá nhân tham gia, qua đó đem lại các lợi ích thiết thực cho cộng đồng cũng như gia tăng ảnh hưởng của trường đối với địa phương và khu vực.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

II.1. Những hạn chế và khuyết điểm

1. Một số cấp ủy chưa có biện pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Công tác tự kiểm tra, giám sát ở một số chi bộ còn mang tính hình thức. Việc phát triển Đảng trong sinh viên chưa đáp ứng với yêu cầu đề ra.

2. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức, lối sống trong cán bộ viên chức và sinh viên chưa phong phú. Công tác dân vận đôi khi còn đơn điệu, có biểu hiện hành chính hóa.

3. Công tác điều hành một số nhiệm vụ chưa đảm bảo kế hoạch. Một số lĩnh vực hoạt động giữa các đơn vị còn chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ. Đội ngũ giảng viên trình độ cao ở một số ngành còn mỏng, đội ngũ viên chức hành chính chưa chuyên nghiệp, công tác bổ nhiệm cán bộ tại một số đơn vị còn chậm.

4. Nguồn thu tài chính vẫn chưa đa dạng, chủ yếu từ học phí. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu của một số ngành chưa đáp ứng yêu cầu.

5. Công tác bảo đảm chất lượng nhà trường ở một số lĩnh vực chưa mang tính hệ thống và liên tục, cụ thể: khâu giám sát, kiểm tra, đánh giá và cải tiến chưa được coi trọng.

6. Chất lượng đào tạo chưa tương xứng với sự phát triển quy mô sinh viên. Một số ngành đào tạo khó thu hút người học. Việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá người học chưa có nhiều chuyển biến. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy và học còn nhiều hạn chế. Việc hỗ trợ và tư vấn sinh viên còn chưa bám sát nhu cầu ngày càng đa dạng của sinh viên.

7. Hoạt động khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế vẫn tập trung ở một số ngành có thế mạnh và truyền thống. Chưa hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh và liên ngành tương xứng với tiềm năng của Trường. Việc thu hút chuyên gia, người nước ngoài đến làm việc và nghiên cứu chưa đạt như kỳ vọng. Hợp tác với doanh nghiệp chưa đi vào chiều sâu và tương xứng với tiềm năng của các bên.

II.2. Nguyên nhân

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giao trách nhiệm, kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XX và các nghị quyết của Đảng ủy đôi khi chưa toàn diện và quyết liệt.

2. Nhận thức về công tác Đảng, tính chiến đấu, phê bình và tự phê bình của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao. Phần lớn đội ngũ cán bộ đều kiêm nhiệm, bị chi phối nhiều thời gian cho hoạt động chuyên môn nên việc đầu tư cho công tác đảng, đoàn thể còn hạn chế.

3. Chưa có chính sách đủ mạnh thu hút, bồi dưỡng, tạo động lực để xây dựng đội ngũ nhà giáo, viên chức quản lý có trình độ, chuyên nghiệp, gắn bó với công việc.

4. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, viên chức và người lao động còn bị ảnh hưởng của cách nghĩ, cách làm cũ, còn thụ động, ỉ lại, thờ ơ với công việc chung.

5. Đầu tư nhà nước hạn chế, có xu hướng bị cắt giảm, suất đầu tư trên đầu sinh viên còn thấp nên không đủ tài lực đầu tư, nâng cấp các điều kiện đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

6. Hành lang pháp lý của Nhà nước chưa đầy đủ và đồng bộ nhất là về lĩnh vực nhân sự, tài chính và tài sản gây khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường.

III. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

III.1. Đánh giá tổng quát

Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và cán bộ lãnh đạo tiếp tục được phát huy; các hoạt động của Nhà trường ngày càng công khai, minh bạch và dân chủ; truyền thống đoàn kết được củng cố và phát huy. Các mục tiêu chủ yếu đề ra trong nhiệm kỳ về cơ bản đạt được; Nhà trường tiếp tục duy trì ổn định và phát triển, có nhiều đổi mới trong công tác đào tạo và sinh viên, khoa học công nghệ, hợp tác đối ngoại, phục vụ cộng đồng, bảo đảm và kiểm định chất lượng mang lại kết quả tốt. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn một số hạn chế như đã được chỉ ra.

III.2. Bài học kinh nghiệm

1. Vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn; phát huy tính năng động, sáng tạo của mỗi đơn vị, tổ chức đoàn thể, cán bộ, đảng viên và viên chức là cơ sở để Nhà trường vượt qua các thử thách, hướng đến thành công.

2. Thực hiện dân chủ rộng rãi, công khai minh bạch trong mọi mặt hoạt động; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội; phát huy truyền thống đoàn kết là cơ sở tạo sự đồng thuận trong Nhà trường.

3. Trong lãnh đạo, chỉ đạo cần xác định rõ mục tiêu, định hướng lớn; có trọng tâm, trọng điểm, phân công, phân nhiệm rõ ràng; giám sát, kiểm tra, đánh giá kịp thời và đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐẢNG BỘ

NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Nhiệm kỳ XXI (2020 - 2025) trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển nhanh chóng tác động sâu sắc đến đời sống kinh tế xã hội nói chung, giáo dục đại học nói riêng. Khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên được dự báo tiếp tục có bước phát triển về kinh tế xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ và kinh tế biển. Đổi mới quản lý của nhà nước theo hướng giao quyền tự chủ đại học gắn với trách nhiệm giải trình sẽ được đẩy mạnh. Đòi hỏi ngày càng cao của xã hội đối với chất lượng đào tạo. Công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học được đẩy mạnh. Vai trò của trường đại học thay đổi, không chỉ là nơi đào tạo, nghiên cứu mà còn là trung tâm đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp,

đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực và địa phương. Giáo dục đại học tiếp tục hội nhập quốc tế một cách sâu rộng, hợp tác quốc tế về nghiên cứu và đào tạo tiếp tục được mở rộng. Hợp tác giữa trường đại học với doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội đi vào chiều sâu. Hợp tác và cạnh tranh giữa các trường đại học, viện nghiên cứu về đào tạo và nghiên cứu ở mức độ cao. Trên tinh thần Nghị quyết 29 của Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo và các yêu cầu đổi mới giáo dục đại học của Nhà nước, trong nhiệm kỳ 2020-2025, Đảng bộ Nhà trường tập trung lãnh đạo, chỉ đạo những nội dung sau.

I. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG

1. Nâng cao năng lực, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ và các chi bộ trong bối cảnh tự chủ đại học; phát huy truyền thống đoàn kết, thực hành dân chủ rộng rãi, công khai minh bạch mọi mặt hoạt động của Nhà trường.

2. Nâng cao năng lực quản trị, đẩy mạnh thực hiện tự chủ; tiếp tục hiện đại hóa, chuẩn hóa, quốc tế hóa mọi mặt hoạt động của Nhà trường; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo thích ứng với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

3. Huy động mọi nguồn lực đầu tư, hỗ trợ và hợp tác tạo tiền đề cần thiết để sớm thực hiện thành công tầm nhìn đến năm 2030: thành trường đại học đa lĩnh vực có uy tín trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hàng đầu khu vực Đông Nam Á về lĩnh vực khoa học thủy sản và một số ngành kinh tế biển đến năm 2030.

II. CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

II.1. Công tác Đảng

II.1.1. Công tác xây dựng đảng

II.1.1.1. Mục tiêu

Giữ vững nguyên tắc của Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, sức chiến đấu của cán bộ, đảng viên phù hợp với bối cảnh tự chủ Nhà trường. Nâng cao chất lượng công tác sinh hoạt đảng và công tác kiểm tra, giám sát, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ, chú trọng chất lượng đảng viên mới. Phấn đấu hàng năm Đảng bộ và 20% chi bộ đạt trong sạch vững mạnh; kết nạp từ 25 - 30 đảng viên, trong đó 15 - 20 đảng viên là sinh viên.

II.1.1.2. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo phù hợp với tinh thần tự chủ của Nhà trường. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của Đảng bộ, chi bộ, đảng

viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu Nhà trường. Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, thực hiện tốt quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp, người đứng đầu Nhà trường. Kết hợp giữa giáo dục với tăng cường kỷ luật kỷ cương của Đảng, đề cao pháp luật của Nhà nước.

2. Kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; chống tham nhũng, lãng phí, lối sống cơ hội, thực dụng, nói không đi đôi với làm. Kịp thời biểu dương những điển hình tiên tiến, những tấm gương sáng.

3. Thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường trách nhiệm của cấp ủy trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hiện tượng cục bộ, bè phái, gây mất đoàn kết trong Đảng bộ nhằm bảo vệ sự đoàn kết, nhất trí trong Trường, sự trong sạch của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của các chi ủy, chi bộ, chất lượng sinh hoạt chi bộ, tổ chức các chuyên đề theo chủ trương đường lối của Đảng phù hợp với tình hình của đơn vị.

4. Tổ chức lớp bồi dưỡng cấp ủy, các lớp bồi dưỡng đảng viên mới và lớp đối tượng đảng. Tăng cường công tác bồi dưỡng phát triển đảng trong đội ngũ cán bộ Đoàn - Hội, tổ chức kết nạp đảng tại các mặt trận tình nguyện.

5. Tiếp tục đổi mới phương pháp, kỹ năng, quy trình nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt. Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị tham gia công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng. Thực hiện nghiêm những vấn đề có tính nguyên tắc trong Đảng; xác định rõ, cụ thể, tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện mối quan hệ giữa tập thể cấp ủy, tổ chức đảng với người đứng đầu, bảo đảm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

6. Tổ chức sắp xếp các đơn vị trong trường theo hướng tinh gọn đúng với tinh thần Nghị quyết Số 18, Số 19 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII của Đảng. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý, chuyên môn.

7. Thực hiện công tác cán bộ đảm bảo về chất lượng, số lượng: công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, cán bộ đoàn thể. Xây dựng và thực

hiện tốt các bước tiếp theo sau quy hoạch cán bộ gắn với thực hiện phương hướng, nhiệm vụ xây dựng phát triển Nhà trường đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

8. Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ định kỳ, hàng năm đảm bảo khách quan, dân chủ.

II.1.2. Công tác chính trị và tư tưởng

II.1.2.1. Mục tiêu

Phát huy tinh thần dân chủ, đoàn kết; phát triển văn hóa Nhà trường hướng đến chất lượng và bám sát các giá trị cốt lõi. Tiếp tục nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo trong cán bộ, đảng viên, viên chức và người học. Tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh góp phần hình thành đạo đức, phong cách của Bác cho cán bộ, đảng viên, viên chức và người học Nhà trường.

II.1.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Tiếp tục đa dạng hóa với hiệu quả ngày càng cao công tác phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Xây dựng, triển khai thực hiện và hàng năm kiểm tra, đánh giá toàn diện việc thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Nhà trường khóa XXI và các nghị quyết của Đảng ủy, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa khóa XVIII và Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII.

2. Thường xuyên và đa dạng hóa công tác thông tin, tuyên truyền nội bộ về nội quy, quy chế, các mặt hoạt động của Nhà trường cho toàn thể CBVC và SV. Cấp ủy, các cấp chính quyền và tổ chức đoàn thể chủ động gặp, trao đổi với các CBVC và SV chưa hiểu đầy đủ về các chủ trương, quy định, tình hình của Nhà trường.

3. Huy động toàn thể cấp ủy, các cấp chính quyền và tổ chức đoàn thể Nhà trường tham gia công tác tuyên truyền, giáo dục văn hóa tổ chức, ý thức trách nhiệm đối với bản thân, Nhà trường, xã hội cho CBVC, SV.

4. Thành lập, phát huy vai trò của Ban Tuyên giáo và Tổ báo cáo viên Đảng ủy trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

5. Chủ động, thường xuyên theo dõi diễn biến tư tưởng của CBVC và SV, kịp thời điều chỉnh những biểu hiện chưa đúng/ chưa phù hợp.

6. Hàng năm, Đảng ủy tổ chức quán triệt, xây dựng và chỉ đạo các chi bộ xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; trong đó, trọng tâm của kế hoạch là các giải pháp cụ thể, thiết thực để góp phần hình thành đạo đức, phong cách của Bác cho cán bộ, đảng viên, viên chức và sinh viên Nhà trường.

Hàng năm, chỉ đạo Công đoàn Trường tổ chức ký cam kết, triển khai thực hiện, sơ kết việc thực hiện các cam kết học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn thể công đoàn viên, người lao động bằng các việc làm cụ thể, theo hướng định lượng.

Tiếp tục đổi mới công tác giảng dạy môn học tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là các chủ đề về đạo đức, văn hóa; tổ chức tuyên truyền tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thường xuyên và thông qua tuần sinh hoạt công dân sinh viên.

II.1.3. Công tác dân vận và đoàn thể

II.1.3.1. Mục tiêu

Phát huy vai trò, trách nhiệm của các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong tập hợp quần chúng để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBVC và người học.

II.1.3.2. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Xây dựng các chương trình hành động cụ thể, sát với thực tiễn và đảm bảo đủ nguồn kinh phí hỗ trợ để các đoàn thể hoạt động theo điều lệ, tạo điều kiện tốt nhất cho các đoàn thể tham gia công tác chuyên môn và cùng chính quyền thực hiện tốt các nhiệm vụ của Nhà trường.

2. Cụ thể hóa các cuộc vận động, các chương trình hành động do cấp trên phát động thành các nội dung và nhiệm vụ cụ thể gắn với định hướng hoạt động của Nhà trường, của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Định kỳ đánh giá, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua để kịp thời có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và có hình thức khen thưởng đãi ngộ xứng đáng cho gương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến.

4. Định kỳ rà soát việc phân công nhiệm vụ, phân cấp quản lý, thực hiện nội quy, quy chế, tiêu chí đánh giá thi đua để kịp thời điều chỉnh những bất cập, phù hợp với nhiệm vụ hàng năm và chiến lược phát triển Nhà trường.

6. Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức hoạt động, phương pháp tập hợp thanh niên theo hướng gắn với nhiệm vụ học tập và rèn luyện cũng như các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường.

7. Tiếp tục giữ vững truyền thống đền ơn đáp nghĩa, làm tốt công tác từ thiện xã hội, đẩy mạnh các hoạt động phục vụ cộng đồng tại tỉnh Khánh Hòa và một số địa phương lân cận.

8. Đẩy mạnh phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao nhằm tạo ra sân chơi lành mạnh, thu hút được đông đảo CBVC và người học tham gia.

9. Khuyến khích động viên CBVC và người học phấn đấu thi đua làm việc và học tập tích cực đạt kết quả cao đem lại uy tín cho tập thể Nhà trường và cá nhân.

II.2. Nhiệm vụ chính trị

II.2.1. Công tác tổ chức và nhân sự

II.2.1.1. Mục tiêu

Nâng cao năng lực quản trị Nhà trường, trong đó tập trung phát huy vai trò của hội đồng trường, xây dựng bộ máy tinh gọn hoạt động hiệu lực và hiệu quả; phát huy năng lực tự chủ của các đơn vị. Phát triển đội ngũ cán bộ viên chức, trong đó chú trọng đội ngũ giảng viên có trình độ cao, phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ đạt 40% giảng viên có trình độ tiến sĩ; tỷ lệ giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư không thấp hơn 20% tổng số giảng viên có trình độ tiến sĩ; 100% đội ngũ viên chức hành chính, được bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ.

II.2.1.2. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Hoàn thiện thiết chế hội đồng trường, thể chế hóa yêu cầu tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình ở mọi cấp, đến từng cá nhân. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ của Nhà trường; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, giải trình các mặt hoạt động của Nhà trường; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường.

2. Xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Cơ cấu lại tổ chức bộ máy nhiệm kỳ 2020 - 2025.

3. Hoàn thiện chính sách tiền lương, phụ cấp; chi trả thu nhập đảm bảo tương xứng chất lượng, khối lượng công việc theo vị trí việc làm.

4. Định kỳ hàng năm rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ và quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng; lập kế hoạch, dự toán và chỉ tiêu cử đi đào tạo, bồi dưỡng, nhằm nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý; chủ động tạo nguồn cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn cho nhiệm kỳ quản lý 2021-2026. Hàng năm có từ 20 - 30% cán bộ trong diện quy hoạch được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng.

5. Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ của Trường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính; công bố bộ văn bản thủ tục hành chính áp dụng trong Nhà trường.

6. Phát triển đội ngũ giảng viên trình độ cao, mỗi năm có từ 08 đến 10 giảng viên đạt trình độ tiến sĩ; phấn đấu mỗi năm bổ nhiệm 03 phó giáo sư, đến cuối nhiệm kỳ bổ nhiệm được ít nhất 01 giáo sư; 100% cán bộ quản lý đáp ứng tiêu chuẩn trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng; tỷ lệ cán bộ nữ tham gia công tác quản lý các cấp trong Trường đạt từ 25-28%.

7. Đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học để tạo nguồn tuyển dụng đa dạng, có chất lượng; có chính sách hỗ trợ sinh viên của Trường tốt nghiệp loại khá, giỏi đi học thạc sĩ để tạo nguồn tuyển dụng đối với những ngành gặp khó khăn trong tuyển dụng.

8. Cải tiến nội dung và hình thức của các phong trào thi đua; xây dựng tiêu chí công nhận và tuyên dương giảng viên, cán bộ quản lý, chuyên viên, nhân viên tiêu biểu hàng năm. Tăng cường vai trò và trách nhiệm của CBVC và đơn vị trong công việc được giao.

9. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thành lập các Ban chủ nhiệm vận hành chương trình đào tạo đại học, sau đại học và Ban chủ nhiệm vận hành nhóm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

II.2.2. Công tác tài chính và tài sản

II.2.1. Mục tiêu

Mở rộng nguồn thu với cơ cấu hợp lý, phấn đấu mỗi năm tăng 10% tổng thu, trong đó nguồn thu ngoài học phí và ngân sách Nhà nước chiếm 10%; thu nhập tăng thêm của cán bộ viên chức, người lao động tăng ít nhất 10%. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động của Nhà trường theo hướng đồng bộ, hiện đại và hiệu quả.

II.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Đa dạng hóa các nguồn thu dựa trên những lợi thế đặc thù của Nhà trường như các hoạt động khoa học, chuyển giao công nghệ, lợi thế về vị trí của Trường để đầu tư các dịch vụ phù hợp.

2. Đa dạng hóa và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước, các nguồn lực xã hội để nâng cấp và tăng cường cơ sở vật chất, đảm bảo các ngành học đều có các phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành. Phấn đấu đến năm 2025 hoàn chỉnh hệ thống giảng đường, phòng học chuyên đề, phòng làm việc cho giảng viên, bộ môn, khoa, đầu tư cơ sở vật chất cải thiện chỗ ở, sinh hoạt cho sinh viên trong ký túc xá.

3. Tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương, tiền công theo hướng gắn với kết quả công việc và thực sự là một nhân tố quan trọng tạo động lực làm việc cho CBVC.

4. Rà soát, bổ sung và hoàn thiện cơ chế quản lý và giám sát sử dụng tài sản công, cơ sở vật chất theo hướng chuyên nghiệp và công khai, minh bạch nhằm khai thác hiệu quả cơ sở vật chất của trường và tiến hành từng bước khoán quỹ lương đến một số đơn vị khi có đủ điều kiện.

5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho các chuyên ngành là thế mạnh, truyền thống của Trường.

6. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện tin học hóa Nhà trường trên các lĩnh vực công tác.

7. Hoàn chỉnh quy hoạch khuôn viên Trường và các cơ sở trực thuộc có tính dài hạn và theo định hướng “xanh, sạch, đẹp”, đảm bảo hài hòa giữa công năng sử dụng, môi trường và cảnh quan.

II.2.3. Công tác bảo đảm chất lượng

II.2.3.1. Mục tiêu

Phát triển hoàn chỉnh hệ thống bảo đảm chất lượng (BĐCL) bên trong và văn hóa chất lượng; chú trọng công tác kiểm định Nhà trường và các chương trình đào tạo (CTĐT). Phân đầu Nhà trường đạt chuẩn kiểm định lần thứ 3; 100% các CTĐT hoàn thành tự đánh giá, trong đó có ít nhất 50% CTĐT đạt chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế, mỗi Khoa/Viện đào tạo có ít nhất 1 CTĐT đạt chuẩn kiểm định.

II.2.3.2. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Rà soát, hoàn thiện hệ thống BĐCL bên trong phù hợp với Sứ mạng, Tâm nhìn, Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục, Mục tiêu giáo dục và Chiến lược phát triển của Nhà trường.

2. Hoàn thiện các văn bản về công tác BĐCL bên trong cơ sở giáo dục và kiểm định chất lượng một cách hệ thống đáp ứng yêu cầu hội nhập.

3. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm với công tác bảo đảm chất lượng để các tổ chức, đơn vị và cá nhân trong Nhà trường có ý thức trách nhiệm và tinh thần hợp tác để phát triển chất lượng giáo dục của Nhà trường một cách hệ thống và liên tục.

4. Thực hiện triệt để nguyên tắc PDCA (Lập kế hoạch - Thực hiện - Kiểm tra, đánh giá - Cải tiến) trong thực hiện mọi nhiệm vụ của Nhà trường, đơn vị và cá nhân.

5. Định kỳ thực hiện công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng Nhà trường, các chương trình đào tạo dựa trên các tiêu chuẩn chất lượng trong nước và quốc tế; rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch và tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo.

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác BĐCL và kiểm định chất lượng.

7. Tham gia các tổ chức xếp hạng đại học nhằm tăng thêm uy tín của Nhà trường, bước đầu tham gia xếp hạng về mức độ ảnh hưởng của Nhà trường với cộng đồng.

II.2.4. Công tác đào tạo và sinh viên

II.2.4.1. Mục tiêu

Phát triển đào tạo gắn chặt với nhu cầu nguồn nhân lực, đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ và tư vấn sinh viên; phấn đấu 100% chương trình đào tạo có mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó lĩnh vực khoa học thủy sản và kinh tế biển ngang tầm Đông Nam Á, trên 70% sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, 80% sinh viên có việc làm đúng ngành nghề đào tạo sau một năm tốt nghiệp ra trường. Đổi mới giáo dục, đặc biệt là phương pháp dạy học, kiểm tra - đánh giá nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra và phát triển tính chủ động, sáng tạo, chuyên nghiệp và trách nhiệm của người học.

II.2.4.2. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Định kỳ rà soát, cải tiến chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; phát triển các chương trình đào tạo trong lĩnh vực mới và các chương trình đào tạo liên ngành mà xã hội có nhu cầu; phát triển các chương trình đào tạo theo mô hình tiên tiến có chất lượng cao, đạt tầm khu vực Đông Nam Á, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học thủy sản và kinh tế biển.

2. Đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đặc biệt hoàn chỉnh chính sách tạo sự chuyển biến về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá. Khuyến khích đổi mới sáng tạo và áp dụng công nghệ số trong dạy học.

3. Tiếp tục triển khai các giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh.

4. Phát triển đào tạo ngắn hạn đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội và người học sau tốt nghiệp. Đẩy mạnh hợp tác đào tạo sâu rộng với doanh nghiệp, trường, viện và tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước theo nhiều hình thức.

5. Tiếp tục chuyên nghiệp hóa và tin học hóa trong quản lý công tác đào tạo và sinh viên.

6. Đổi mới công tác tuyển sinh theo hướng chuyên nghiệp, định hình phương thức tuyển sinh phù hợp, mở rộng quảng bá tuyển sinh trong khu vực, từng bước nâng cao chất lượng nguồn tuyển.

7. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng cho sinh viên. Đa dạng và từng bước chuyên nghiệp hóa các hoạt động hỗ trợ, tư vấn sinh viên; tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các cuộc thi học thuật, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, sáng tạo, khởi nghiệp. Có chính sách ghi nhận, biểu dương kịp thời cho cán bộ và sinh viên có thành tích cao. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc quản lý và giáo dục sinh viên

II.2.5. Công tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

II.2.5.1. Mục tiêu

Phát triển hoạt động khoa học công nghệ gắn với thực tiễn của cộng đồng và xã hội theo hướng đổi mới sáng tạo; chú trọng đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực thủy sản và kinh tế biển. Phân đấu mỗi năm số lượng đề tài/giảng viên đạt 0,15 đề tài/giảng viên; số lượng bài báo đăng trên Tạp chí khoa học trong nước/giảng viên đạt 0,3 bài/giảng viên; số lượng bài báo đăng trên Tạp chí khoa học quốc tế/giảng viên đạt 0,12 bài/giảng viên; 2-3 hợp đồng chuyển giao công nghệ mới được triển khai; tạp chí Khoa học - Công nghệ Thủy sản được Hội đồng Giáo sư liên ngành (Chăn nuôi-Thú y-Thủy sản) chấm điểm tối đa là 1.

II.2.5.2. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Tăng cường kết nối với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu thực tiễn.

2. Rà soát và hoàn chỉnh các hướng nghiên cứu ưu tiên; xây dựng, phát triển một số chương trình nghiên cứu trọng điểm gắn với lĩnh vực thủy sản và kinh tế biển.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các nhóm nghiên cứu; tập trung đầu tư phát triển từ 3-5 nhóm nghiên cứu mạnh gắn với các chương trình nghiên cứu trọng điểm.

4. Hỗ trợ và thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong đội ngũ CBVC và người học.

5. Hoàn thiện chính sách khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích nổi bật trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Rà soát, cập nhật, hệ thống hóa toàn bộ các văn bản pháp lý, quy trình công việc liên quan để nâng cao hiệu quả quản lý khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

II.2.6. Công tác hợp tác đối ngoại và phục vụ cộng đồng

II.2.6.1. Mục tiêu

Khai thác có hiệu quả các quan hệ hợp tác hiện có; tìm kiếm các hợp tác mới với bên ngoài góp phần nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo và nghiên cứu; Tăng cường hợp tác bền vững với doanh nghiệp; tăng cường các hoạt động phục vụ cộng đồng có chiều sâu, thiết thực dựa trên nguồn lực sẵn có và các thế mạnh của Nhà trường. Phấn đấu mỗi năm có ít nhất 2 dự án quốc tế mới được phê duyệt, 3 dự án nghiên cứu khoa học hợp tác với đối tác nước ngoài; 10 cán bộ đi theo học các chương trình đào tạo cấp bằng tại nước ngoài, 50 cán bộ tham dự các khóa đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo quốc tế, 30 sinh viên đi tham gia các chương trình tham quan, giao lưu tại nước ngoài.

II.2.6.2. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Rà soát, cập nhật và hệ thống hóa văn bản pháp lý, quy trình công việc hướng tới sử dụng các phần mềm quản lý chuyên dụng để nâng cao hiệu quả hoạt động. Cụ thể hoá chiến lược Hợp tác đối ngoại trong định hướng chiến lược phát triển Nhà trường trong giai đoạn mới. Đa dạng hoá hình thức, nội dung truyền thông, quảng bá hình ảnh của Nhà trường theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả.

2. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh chế độ chính sách thúc đẩy hoạt động hợp tác đối ngoại. Tăng cường hoạt động thu hút giảng viên và trao đổi sinh viên nước ngoài đến học tập và giảng dạy tại Trường.

3. Rà soát, kiện toàn và chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ chuyên trách, cộng tác viên công tác hợp tác đối ngoại. Thường xuyên cử đi đào tạo, tập huấn hoặc tổ chức tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ của đội ngũ này. Bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ của CBGV tạo tiền đề kết nối, hợp tác NCKH, tham gia các chương trình đào tạo, giảng dạy bằng tiếng nước ngoài và các hoạt động học tập, hội thảo tập huấn ở nước ngoài.

4. Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH dựa trên các nhóm nghiên cứu trọng điểm có sự tham gia của các nhà nghiên cứu quốc tế để thực hiện các dự án, chương trình nghiên cứu và xuất bản quốc tế. Phấn đấu mỗi năm có ít nhất 2 dự án quốc tế mới được phê duyệt, 3 dự án nghiên cứu khoa học hợp tác với đối tác nước ngoài.

5. Hoàn thiện chính sách hợp tác với doanh nghiệp. Mở rộng mạng lưới hợp tác với doanh nghiệp, gắn kết doanh nghiệp với các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học

và đổi mới sáng tạo của nhà trường. Thường xuyên tổ chức các hoạt động có doanh nghiệp tham gia và thông tin cho doanh nghiệp hoạt động của nhà trường.

6. Chú trọng công tác truyền thông nội bộ, ngoài trường và đảm bảo thông tin đến với CBVC, người học và xã hội một cách kịp thời, thông tin xác thực góp phần quảng bá Nhà trường.

7. Tăng cường các hoạt động vì sự phát triển của cộng đồng: đáp ứng đầy đủ và kịp thời các yêu cầu đến từ cộng đồng thông qua các hoạt động tình nguyện; chủ động đề xuất và phối hợp với các bên liên quan của cộng đồng để triển khai các hoạt động vì mục tiêu phát triển cộng đồng.

8. Tăng cường trao đổi và chia sẻ tri thức giữa Nhà trường và cộng đồng: đẩy mạnh các hoạt động chia sẻ thông tin về chủ trương chính sách, khoa học, văn hóa, giáo dục giữa Nhà trường và cộng đồng; chủ động tham gia góp ý, phản biện khoa học các vấn đề của cộng đồng.

9. Tăng cường các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo gắn kết với cộng đồng: lồng ghép các hoạt động dạy và học có sự gắn kết với cộng đồng; tổ chức các hoạt động đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của cộng đồng; chú trọng các nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm mục tiêu phát triển cộng đồng; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

PHỤ LỤC
(CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN CHÍNH TRONG NHIỆM KỲ 2015-2020)

TT	Nhiệm vụ thực hiện	Chỉ số thực hiện	Ghi chú
1.	<p>Đa dạng hóa ngành nghề, lĩnh vực đào tạo</p> <p><i>Đầu tư để mở thêm 8 ngành trình độ đại học, 5 ngành trình độ thạc sĩ và 5 ngành trình độ tiến sĩ.</i></p>	<p>I. Mở mới 5 ngành đào tạo trình độ đại học, gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Marketing - 2016 2. Tài chính - Ngân hàng – 2016 3. Kinh tế - 2017 4. Luật - 2019 5. Quản trị khách sạn - 2019 <p>Đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ mở ngành:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khoa học thủy sản 2. Kỹ thuật biển 3. Kỹ thuật cơ khí động lực <p>II. Mở mới được 2 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công nghệ thông tin – 2017 2. Quản lý kinh tế - 2017 3. Kỹ thuật tàu thủy – 2019 (khôi phục) 4. Kỹ thuật ô tô – 2019 (khôi phục) 5. Quản lý thủy sản - 2019 	<p>Kế hoạch phát triển ngành đào tạo đến năm 2021, cụ thể hóa Kế hoạch chiến lược của Trường và đáp ứng thay đổi nhu cầu xã hội, theo đó sẽ tiến hành mở thêm 2 ngành trình độ TS, 5 ngành trình độ ThS và 9 ngành trình độ ĐH</p>

		<p>III. Mở mới 05 tiến sĩ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ thuật tàu thủy – 2019 (khôi phục) 2. Kỹ thuật cơ khí (đang chờ Bộ phê duyệt) 3. Công nghệ thực phẩm (đang chờ Bộ phê duyệt) 4. Công nghệ sinh học (đang chờ Bộ phê duyệt) 5. Quản trị kinh doanh (đang chờ Bộ phê duyệt) <p>IV. Chuyển đổi một số ngành Công nghệ kỹ thuật sang Kỹ thuật</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ thuật cơ điện tử 2. Kỹ thuật nhiệt 3. Kỹ thuật cơ khí 4. Kỹ thuật xây dựng 5. Kỹ thuật môi trường 6. Kỹ thuật ô tô <p>V. Chuyển một ngành hẹp sang chuyên ngành: ngành Bệnh học thủy sản thành chuyên ngành của ngành Nuôi trồng thủy sản</p>	
2.	Đầu tư triển khai các chương trình POHE, tiên tiến CLC trình độ đại học	<p>Tổ chức triển khai thí điểm 2 ngành đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành Công nghệ thông tin 2. Ngành Quản trị khách sạn <p>02 ngành đào tạo song ngữ, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành Quản trị kinh doanh (Anh – Việt) 2. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Pháp – Việt) 	

<p>3.</p>	<p>Chuẩn hóa công tác tổ chức và quản lý đào tạo</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chuyển đổi thành công danh mục ngành đào tạo các bậc trình độ đào tạo (6 ngành tiến sĩ, 15 ngành thạc sĩ, 30 ngành đại học). 2. Quy định tổ chức và quản lý trong lĩnh vực công tác đào tạo trình độ ĐH, CĐ 3. Quy định tổ chức và quản lý trong lĩnh vực công tác đào tạo sau đại học 4. Quy định đào tạo đại học và cao đẳng 5. Quy định đào tạo sau đại học 6. Quy định đào tạo theo hình thức VLVH 7. Quy định thực tập 8. Quy định phát triển tài liệu 9. Quy định và kế hoạch tuyển sinh liên thông, bằng đại học thứ hai 10. Chương trình khối GDĐC trình độ đại học hệ chính quy, 11. Chương trình khối GDĐT trình độ cao đẳng hệ chính quy 12. Quy định đào tạo ngoại ngữ cho sinh viên chuyên ngữ, 13. Quy định đào tạo ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên ngữ; 14. Quy định phát triển chương trình đào tạo; 15. Quy định hướng dẫn công tác tốt nghiệp, quy định hạn ngạch hướng dẫn ĐA/KL, CĐTĐN và giao quyền nhiều hơn cho khoa/viện; 16. Quy định danh mục học phần do bộ môn quản lý; 17. Quy định đào tạo tin học cho sinh viên không chuyên tin; 	
------------------	---	--	--

		<p>18. Danh mục quy trình tổ chức đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy.</p> <p>19. Quy định kiểm soát và xử lý đạo văn các sản phẩm học thuật;</p> <p>20. Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ (cập nhật và sửa đổi);</p> <p>21. Quy định trích dẫn, ghi nguồn trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo trong các sản phẩm học thuật.</p> <p>22. Quy chế công tác sinh viên</p> <p>23. Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên</p> <p>24. Quy định văn hóa học đường</p>	
4.	Công tác tư vấn và tuyển sinh	<p>1. Sử dụng dịch vụ gửi tin nhắn Bulksms thông báo trúng tuyển và nhập học</p> <p>2. Hàng năm tuyển sinh đạt chỉ tiêu đề ra, có 1 số ngành điểm đầu vào cao, tăng uy tín của trường</p> <p>3. Hàng năm, Tổ chức nhiều đoàn công tác đi các địa phương, trường THPT</p> <p>4. Có nhiều đổi mới trong tư vấn hướng nghiệp: tập trung vào GV ở trường THPT, hỗ trợ hoạt động cho ngành giáo dục tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa</p> <p>5. Thường xuyên tổ chức thăm, chúc tết và tri ân các trường THPT, đặc biệt là trường có nhiều TS nhập học vào trường.</p> <p>6. Tổ chức thăm, chúc tết các gia đình SV có hoàn cảnh khó khăn.</p>	
5.	Công tác phát triển tài liệu	Mỗi năm có khoảng 20 tài liệu được đăng ký biên soạn phục vụ dạy học	

PHỤ LỤC CÔNG TÁC SINH VIÊN

Nội dung Năm	SV đạt danh hiệu tiên tiến		SV tốt nghiệp ra trường đúng hạn		SV có việc làm đúng ngành nghề sau 1 năm tốt nghiệp (Số lượng/tổng SV tham gia khảo sát)		Học bổng doanh nghiệp, cựu sinh viên tài trợ (Triệu đồng)	Thiết lập mới quan hệ hợp tác với doanh nghiệp	Thành tích nổi bật trong công tác Đoàn – Hội	Ghi chú
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%				
2016	3466	23,38	1195	61,03	452/603	74,96	750	109	- Đạt giải nhất cuộc thi “Festival sáng tạo trẻ” do Tỉnh đoàn Khánh Hòa và Sở KH&CN Khánh Hòa tổ chức,	
2017	3035	21,108	1564	51,77	958/1136	84,33	615	183	- Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên Trường đạt danh hiệu xuất sắc toàn diện. - Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh Khánh Hòa. - Bằng khen của Tỉnh đoàn Khánh Hòa.	
2018	3604	22,52	1615	74,70	853/1333	63,99	610	148	- Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên Trường đạt danh hiệu xuất sắc toàn diện và nhận cờ thi đua đơn vị dẫn đầu khối đại học - cao đẳng tại Khánh Hòa. - Đạt giải nhất toàn tỉnh Khánh Hòa cuộc thi “Rung chuông vàng”. - Có SV lọt vào vòng chung kết và đạt giải khuyến khích Cuộc thi “Tìm hiểu về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh” toàn quốc.	

									<ul style="list-style-type: none"> - Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh Khánh Hòa. - Bằng khen của Tỉnh đoàn Khánh Hòa. 	
2019	3901	22,71	1434	52,26	1355/2068	65,52	1750	171(T7/2019)	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên Trường đạt danh hiệu xuất sắc toàn diện và nhận cờ thi đua đơn vị dẫn đầu khối đại học - cao đẳng tại Khánh Hòa. - Giải nhì toàn quốc cuộc thi “Hành trình thứ hai của lớp xe”, với công trình “Sân chơi liên hoàn cho trẻ em” tại trường Tiểu học Cam Thịnh Tây. - Có đội thi lọt vào vòng chung kết và đạt giải 3 cuộc đua số. - Bằng khen của Tỉnh đoàn Khánh Hòa. - Có SV đạt giải thưởng “Sao tháng Riêng”. 	
2020	-	-	-	-	-	-	-	103(T8/2019-T2/2020)		

(CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN CHÍNH TRONG NHIỆM KỲ 2015-2020)

TT	Nhiệm vụ thực hiện	Chỉ số thực hiện	Ghi chú
1.	Hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong Nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách Bảo đảm chất lượng Nhà trường - Hoàn chỉnh cập nhật Sứ mạng, Tầm nhìn, Phương châm, Giá trị cốt lõi, Triết lý và Mục tiêu giáo dục Nhà trường - Quy định về đảm bảo chất lượng bên trong Nhà trường - Kế hoạch khắc phục các tồn tại hạn chế từ hoạt động đánh giá ngoài cơ sở giáo dục - Phân công các đơn vị chủ trì đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định cơ sở giáo dục theo thông tư 12 (25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí) - Quy định kiểm soát và xử lý hành vi đạo văn các sản phẩm học thuật - Quy định xây dựng văn hóa chất lượng - Chuẩn mực giảng dạy - Quy tắc ứng xử - Kế hoạch Đảm bảo chất lượng hàng năm 	
2.	Rà soát, hoàn thiện các CTĐT	- 100% các ngành đủ điều kiện mở ngành theo qui định	
3.	Đẩy mạnh công tác kiểm định trường và CTĐT	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường đã chuẩn kiểm định lần thứ 2 năm 2018 - 02 CTĐT KTTT và CNCBTS đầu tiên đạt chuẩn kiểm định năm 2020 	
4.	Giám sát sinh viên đạt chuẩn đầu ra	- Hoạt động được thực hiện giám sát thông qua việc lấy phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp hàng năm.	
5.	Khảo sát ý kiến các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan - Thực hiện việc lấy ý kiến online trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo 	
6.	Tăng cường ứng dụng E-learning trong giảng dạy	- Tiếp tục triển khai hoạt động giảng dạy và đánh giá ứng dụng e-learning	
7.	Hoạt động sinh hoạt học thuật	- Các hoạt động sinh hoạt học thuật Bộ môn thực hiện hàng tháng	
8.	Đổi mới phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo nâng cáo chất lượng và đổi mới giảng dạy được các BM và Khoa/Viện tổ chức đều đặn hàng kỳ - Tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy được Phòng ĐBCL&KT tổ chức hàng kỳ 	

PHỤ LỤC PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Phụ lục 1 - Các hướng nghiên cứu chiến lược, mũi nhọn, liên ngành và gắn với thể mạnh thủy sản

- Nghiên cứu về đặc điểm sinh học sinh sản, dinh dưỡng thức ăn, sinh sản nhân tạo, nuôi thương phẩm và bệnh học một số đối tượng nuôi biển (tôm hùm, cá chim, cá hồng mỹ, cá di)
- Nghiên cứu ứng dụng nâng cao giá trị các sản phẩm từ phế liệu thủy sản để ứng dụng trong thực phẩm, nông nghiệp, dược phẩm
- Nghiên cứu chế biến, chiết xuất các hợp chất sinh học từ rong/tảo biển
- Nghiên cứu tư vấn chính sách, nguồn nhân lực của một số tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ (Khánh Hoà, Ninh Thuận)
- Thiết kế, chế tạo, tự động hóa các thiết bị phục vụ ngành số ngành khai thác và chế biến thủy sản.

Phụ lục 2 - Các nhóm nghiên cứu thành lập

Đã thành lập 09 nhóm nghiên cứu mạnh tại một số Khoa, Viện (Viện Nuôi, Khoa Công nghệ thực phẩm, Khoa Cơ khí, Khoa Kỹ thuật Giao thông, Khoa Kinh tế):

1. Phát triển và giảng dạy thực phẩm chức năng (Trưởng nhóm - TS. Nguyễn Văn Tặng)
2. Thu nhận và ứng dụng các sản phẩm giá trị gia tăng từ phế liệu thủy sản (Trưởng nhóm - TS. Nguyễn Văn Hoà)
3. Nghiên cứu sản xuất giống và phát triển nuôi các đối tượng thủy sản nước mặn, lợ (Trưởng nhóm - TS. Ngô Văn Mạnh)
4. Kỹ thuật cơ khí động lực (Trưởng nhóm - TS. Huỳnh Văn Vũ)
5. Thiết kế, chế tạo thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa phục vụ ngành thủy sản (Trưởng nhóm - TS. Nguyễn Văn Tường)
6. Kinh tế và Kinh doanh (Trưởng nhóm - TS. Lê Chí Công)
7. Quản lý kinh tế và phát triển kinh tế xã hội (Trưởng nhóm - TS. Phạm Hồng Mạnh);
8. Thủy sinh học ứng dụng (Trưởng nhóm - PGS.TS. Lê Minh Hoàng)
9. Công nghệ vi nang NeoCapsules (Trưởng nhóm – TS. Tạ Thị Minh Ngọc)

Phụ lục 3 – Hướng nghiên cứu của 9 nhóm nghiên cứu đã thành lập

- Phát triển và giảng dạy thực phẩm chức năng
- Thu nhận và ứng dụng các sản phẩm giá trị gia tăng từ phế liệu thủy sản
- Công nghệ vi nang NeoCapsules
- Nghiên cứu sản xuất giống và phát triển nuôi các đối tượng thủy sản nước mặn, lợ
- Kỹ thuật cơ khí động lực
- Thiết kế, chế tạo thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa phục vụ ngành thủy sản
- Kinh tế và Kinh doanh
- Quản lý kinh tế và phát triển kinh tế xã hội
- Thủy sinh học ứng dụng

Phụ lục 4 - Các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản đã triển khai

+ Đánh giá chất lượng tinh trùng cá chêm mõm nhọn *Psammoperca waigiensis* (Cuvier và Valenciennes, 1828) thông qua thời điểm thu mẫu, tiêm hormone và bảo quản lạnh, Nghiên cứu ảnh hưởng của dinh dưỡng, yếu tố môi trường và kích thích sinh sản lên chất lượng trứng của cá diạ *Siganus guttatus* (Bloch, 1787)

+ Đánh giá chất lượng tinh trùng, trứng và ấu trùng cá chêm mõm nhọn (*Psammoperca waigiensis*) thông qua việc cải thiện dinh dưỡng cá bố mẹ trong điều kiện biến đổi khí hậu

+ Nghiên cứu sự biến động testosterone và estradiol trong chu kỳ sinh sản cá diạ (*Siganus guttatus*)

+ Thu nhận và xác định tính chất của các chất ức chế enzyme alpha-glucosidase từ rong tại vùng biển Khánh Hòa, Việt Nam và đánh giá khả năng kháng bệnh tiêu đường.

+ Nghiên cứu đa dạng sinh học nấm phù du ở vùng ven biển Khánh Hòa dựa trên cách tiếp cận phụ thuộc và độc lập nuôi cấy

+ Nghiên cứu đặc tính hóa lý và sinh học của các phân đoạn protein thủy phân từ cơ thịt sẫm cá ngừ vây vàng (*Thunnus albacares*)

+ Nghiên cứu các peptides hoạt tính sinh học thần kinh của ốc nón sần nhuyễn thể ở vùng biển Khánh Hòa

+ Nghiên cứu chế tạo vật liệu aerogel dựa trên nền graphene có cấu trúc 3D ứng dụng cho siêu tụ hiệu năng cao

- + Nghiên cứu chế tạo tổ hợp nano có độ xốp cao và diện dung cao sử dụng graphene và sunfua kim loại ứng dụng làm vật liệu điện cực cho siêu tụ
- + Đánh giá tác động của chính sách ưu đãi tín dụng đối với hoạt động khai thác thủy sản tại Việt Nam
- + Sự ưa thích của người tiêu dùng và người sản xuất đối với chính sách nuôi tôm bền vững tại Việt Nam
- + Khái niệm về an toàn thực phẩm và mối liên hệ với các hành vi đảm bảo an toàn thực phẩm và sức khỏe con người ở Việt Nam
- + Ảnh hưởng của giá trị cảm nhận và tính cách cá nhân đến hành vi mua hàng trực tuyến của người tiêu dùng Việt Nam.

Phụ lục 5 - Số lượng đề tài, dự án giai đoạn 2011-2014 và giai đoạn 2015-2020

Đề tài, dự án các cấp	Giai đoạn 2011-2014	Giai đoạn 2015-2020
Đề tài, dự án cấp Nhà nước	14	13
Đề tài cấp Bộ, tỉnh	62	29
Đề tài, dự án HTQT	11	53
Đề tài cấp cơ sở	96	168
Tổng cộng	183	263

Phụ lục 6 - Số lượng các bài báo khoa học được công bố giai đoạn 2011-2014 và giai đoạn 2015-2020

Loại	Giai đoạn 2011-2014	Giai đoạn 2015-2020
Tạp chí khoa học trong nước	710	692
Tạp chí khoa học quốc tế	163	260
Tổng	873	952

***. Một số chỉ số giai đoạn 2015-2020:**

- Số lượng đề tài/GV: $263/(470 \times 5) = 0,11$ đề tài/giảng viên/năm
- Số lượng bài báo đăng trên Tạp chí khoa học trong nước/giảng viên: $692/(470 \times 5) = 0,294$ bài báo/giảng viên/năm
- Số lượng bài báo đăng trên Tạp chí khoa học quốc tế/giảng viên: $260/(470 \times 5) = 0,11$ bài báo/giảng viên/năm

***. Một số chỉ tiêu phấn đấu giai đoạn 2020-2025:**

- Số lượng đề tài/GV: 0,15 đề tài/giảng viên/năm
- Số lượng bài báo đăng trên Tạp chí khoa học trong nước/giảng viên: 0,3 bài/giảng viên/năm
- Số lượng bài báo đăng trên Tạp chí khoa học quốc tế/giảng viên: 0,12 bài/giảng viên/năm

Phụ lục 7 - Các sản phẩm KHCN đã được thương mại hoá giai đoạn 2015-2020

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị mua, tiếp nhận sản phẩm	Sản phẩm là kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án KHCN
1	Tàu đánh cá vỏ composite phục vụ các nghề khai thác ngoài khơi: Câu, Vây, Rê, Mành chụp	Các chủ tàu tư nhân từ Nghệ An đến Bình Thuận đóng mới tàu đánh cá theo ND 67/CP	Sản phẩm là kết quả của đề tài: “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo tàu đánh cá xa bờ vỏ composite theo ND 67/CP”
2	Thiết bị xử lý nước thải	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty CP Du lịch Sinh Thái Long Phú Nha Trang - Công Ty CP Quản Lý đường sông 3 - Công Ty TNHH Dương Hải Quảng Ninh - Công ty CP Du thuyền Đông Dương Quảng Ninh - Công ty TNHH MTV đóng tàu Hạ Long Quảng Ninh - Công ty CP Thành Hưng Quảng Ninh 	Sản phẩm là kết quả của Dự án SXTN cấp Bộ: “Hoàn thiện quy trình chế tạo thiết bị xử lý nước thải bằng vật liệu composite có xử lý vi sinh trang bị trên các tàu du lịch ”
3	Nhà Hàng nổi	<p>Các đơn vị kinh doanh du lịch tại Nha Trang và Vĩnh Hy Ninh Thuận, Côn Đảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty TNHH Du lịch Vĩnh Hy Discovery Ninh Thuận - Công Ty TNHH Hiếu Quân Nha Trang - Công ty TNHH Tiến Lợi Côn Đảo - Công TY TNHH TM&DL Thanh Sang Côn Đảo 	Sản phẩm là kết quả của đề tài: “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo nhà hàng nổi bằng vật liệu composite phục vụ du lịch biển”
4	Tàu cao tốc cấp SB	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty TNHH Hoàng Phúc Bình Thuận - Công ty TNHH TM&DL Vân Cảnh Khánh Hòa - Công Ty TNHH TMDV Sông Hội Quảng Nam - Công ty TNHH TM&DL Ngọc Long Nha Trang 	Sản phẩm là kết quả của đề tài: “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo tàu cao tốc cấp SB bằng vật liệu composite phục vụ du lịch biển”

PHỤ LỤC PHẦN HỢP TÁC ĐỐI NGOẠI

Phụ lục 1 Danh mục các MOU đã ký kết với các đối tác trong và ngoài nước, số lượng khách đến trường; hội thảo quốc tế đã tổ chức và các chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài, sinh viên quốc tế đã đến giao lưu học tập tại trường giai đoạn 2015-2020

TT	Nội dung	Kết quả thực hiện NK 2015-2020	Mục tiêu NK 2020-2025
1	Hợp tác MOU với đối tác nước ngoài đã ký kết, gia hạn	46	50
2	Hợp tác đã ký kết với các trường, viện, doanh nghiệp trong nước	62	100
3	Khách nước ngoài đến thăm, làm việc, hội thảo, học tập tại trường	1500*	1250
4	Dự án mới được triển khai	6	10
5	Chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài	3 (SDH)	3
6	Sinh viên quốc tế đã hoàn thành chương trình học và được cấp bằng	47	50
7	Sinh viên của trường được cử đi giao lưu, tham gia các khóa học ngắn hạn tại nước ngoài	35	50
8	Hội thảo quốc tế đã tổ chức	6	10

*(Ghi chú *: Số lượng này cao vì tính cả số khách Trung Quốc đến tham quan trường dịp hè 2019)*

Phụ lục 2. Hoạt động hợp tác về KHCN với các đối tác trong và ngoài nước của một số khoa, viện

- Từ 2015-10/2019 các khoa, viện đã kết nối đề tài dự án hợp tác quốc tế (Khoa Cơ khí: 1; Khoa Kinh tế: 6; Viện Công nghệ sinh học và Môi trường: 6; Viện Nuôi trồng thủy sản: 5; Khoa công nghệ thực phẩm: 4) về nghiên cứu khoa học và đào tạo.

- Khoa Công nghệ thực phẩm, Khoa Kinh tế, Viện Nuôi trồng thủy sản, Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác thủy sản đã tích cực liên kết và phối hợp có hiệu quả với các trường/viện trong khu vực và tỉnh Khánh Hòa để tham gia tư vấn, xây dựng và tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học công nghệ và hợp tác nghiên cứu.

- Một số nhóm nghiên cứu của Khoa Kinh tế, Công nghệ thực phẩm, Viện Nuôi trồng thủy sản, Viện Công nghệ sinh học và Môi trường đã tiếp cận và thành thạo trong việc xây dựng đề cương dự án hợp tác trong nước và quốc tế (có sự phối hợp của các nhóm nghiên cứu, các phòng chức năng trong Trường).

- Khoa Công nghệ thực phẩm, Viện Nuôi trồng thủy sản, Viện Công nghệ sinh học và Môi trường tích cực liên hệ và liên kết mạnh mẽ trong mạng lưới các trường: VLIR Network; ASEAN Fisheries Education Network (ASEAN-FEN), V2WORK để triển khai các nhiệm vụ phục vụ đào tạo, NCKH.

PHỤ LỤC PHẦN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Phụ lục 1. Các đơn vị được đầu tư bổ sung cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ giai đoạn 2015-2020

Khoa Cơ khí, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện - Điện tử, Khoa Kỹ thuật Giao thông, Khoa Ngoại ngữ, phòng thí nghiệm Bộ môn Hóa, Bộ môn Công nghệ chế biến, Khoa Du lịch....

Phụ lục 2. Một số ngành tiếp tục tập trung đầu cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ giai đoạn 2020-2025

Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác thủy sản, Viện Nuôi trồng thủy sản, Trung tâm nghiên cứu và chế biến thực phẩm, Viện Nghiên cứu chế tạo tàu thủy, Trung tâm nghiên cứu giống và Dịch bệnh thủy sản,...

PHỤ LỤC: CÁC CHỈ SỐ SO SÁNH SỐ LIỆU TỔ CHỨC – CÁN BỘ

Bảng 1: So sánh quy mô nhân sự đầu nhiệm kỳ (6/2015) và cuối nhiệm kỳ (thời điểm tính 02/2020)

Tổng số CBVC đầu kỳ	Số CBVC nghỉ hưu, thôi việc, từ trần trong kỳ	Số tuyển mới trong kỳ	Tổng số CBVC cuối kỳ (*)
630	84	94	640

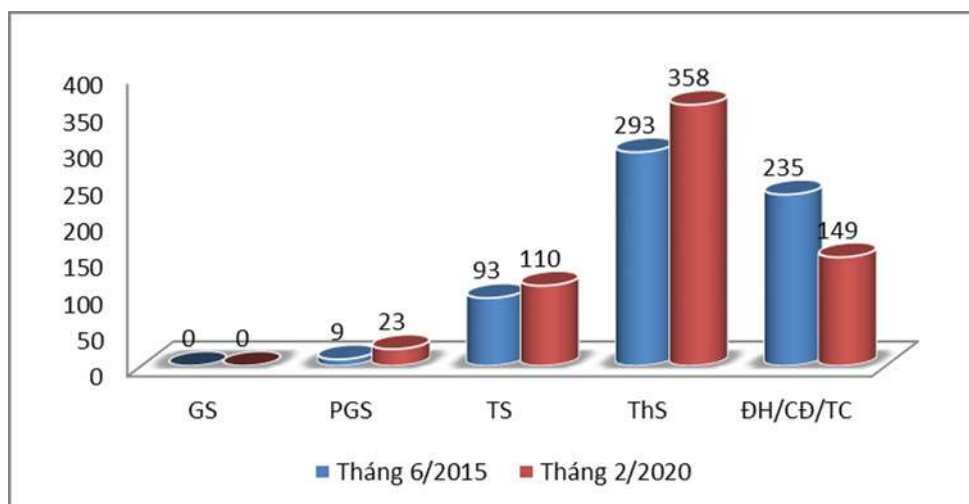
Bảng 2: Số liệu đội ngũ CBVC Nhà trường tại thời điểm tháng 02/2020

Chức danh nghề nghiệp		Giới tính		Trình độ chuyên môn		
Giảng viên	VC hành chính	CBVC nữ	CBVC Nam	PGS*	TS	ThS
470/640 (73,44%)	170/640 (26,56%)	298/640 (46,56%)	342/640 (53,44%)	23	110	358

* (Tháng 03/2020 PGS.TS Lại Văn Hùng nghỉ hưu, số PGS còn lại là 22)

Tỷ lệ PGS, TS/tổng số GV: $133/470 = 28,3\%$

Bảng 3: So sánh trình độ chuyên môn của đội ngũ CBVC đầu nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ



	Tổng số CBVC	GS	PGS	TS	ThS	ĐH/CĐ/TC
Tháng 6/2015	630	0	9	93	293	235
Tháng 2/2020	640	0	23	110	358	149

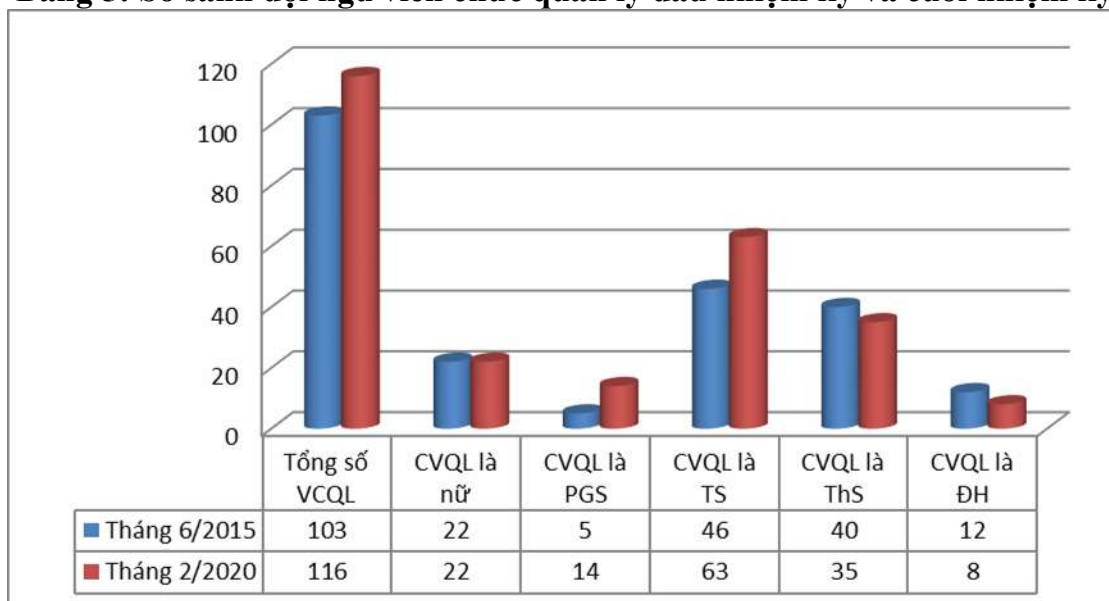
* Tổng số CBVC đạt học vị tiến sĩ trong toàn nhiệm kỳ là 49 người (tuy nhiên trong toàn nhiệm kỳ có 27 CBVC có trình độ tiến sĩ đã nghỉ hưu, thôi việc, từ trần).

Bảng 4: SO SÁNH SỐ LIỆU TỔ CHỨC BỘ MÁY

	Đầu nhiệm kỳ (6/2015)		Cuối nhiệm kỳ (02/2020)	
	Tổ chức bộ máy	Số lượng CC,VC quản lý	Tổ chức bộ máy	Số lượng CC,VC quản lý
Cấp Trường	Hiệu trưởng, Các Phó HT	01 03	Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Các Phó HT	01 01 02
Cấp Khoa/Phòng	32 đơn vị	61	34 đơn vị	64
Cấp bộ môn	43 bộ môn, tổ, xưởng	38	50 bộ môn, tổ, xưởng	48
Tổng		103	Tổng	116

(Không tính kiêm nhiệm nhiều chức vụ)

Bảng 5: So sánh đội ngũ viên chức quản lý đầu nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ



Bảng 6: Số liệu đào tạo, bồi dưỡng CBVC trong toàn nhiệm kỳ (Từ tháng 7/2015 đến tháng 02/2020)

Đơn vị tính: Lượt người

Cử đi Nghiên cứu sinh	Cử đi học thạc sĩ	Cử đi học lý luận chính trị		Cử đi học bồi dưỡng kiến thức QP-AN		Bồi dưỡng theo chức danh viên chức				Bồi dưỡng cộng tác viên thanh tra	Bồi dưỡng quản lý Nhà nước về báo chí	Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn
		Cao cấp LLCT	Trung cấp LLCT	Đổi tượng 3	Đổi tượng 2	Bồi dưỡng giảng viên cao cấp	Bồi dưỡng giảng viên chính	Bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên			
54	21	17	21	24	03	41	238	16	108	03	02	345

Bảng 7: Thống kê số lượng giảng viên chủ trì ngành đào tạo đại học (tính đến 11/2019)

TT	Ngành	Tổng	ĐH	Ths	TS	PGS
1	CNKT Điện điện tử	18	1	14	3	
2	CNKT Hóa học	12	2	4	6	
3	Công nghệ chế biến thủy sản	21	1	10	8	2
4	Công nghệ chế tạo máy	6	1	2	3	
5	Công nghệ sau thu hoạch	18	1	10	5	2
6	Công nghệ sinh học	14		8	4	2
7	Công nghệ thông tin	22	3	15	4	
8	Công nghệ thực phẩm	13	2	6	3	2
9	Hệ thống thông tin quản lý	12		11	1	
10	Kế toán	25		22	3	
11	Khai thác thủy sản	8		4	4	
12	Khoa học hàng hải	5		5		
13	Khoa học thủy sản					
14	Kinh doanh thương mại	11		10	1	
15	Kinh tế	3			2	1
16	Kinh tế phát triển	6		3	2	1
17	Kỹ thuật Cơ điện tử	6		4	2	
18	Kỹ thuật cơ khí	11		5	5	1
19	Kỹ thuật cơ khí động lực	6		3	3	
20	Kỹ thuật môi trường	11	1	10		
21	Kỹ thuật nhiệt	13	4	6	3	
22	Kỹ thuật ô tô	7		5	2	
23	Kỹ thuật tàu thủy	13	2	4	6	1
24	Kỹ thuật xây dựng	16	1	13	2	
25	Luật	8		6	2	
26	Marketing	8		5	2	1
27	Ngôn ngữ Anh	26	3	18	5	
28	Nuôi trồng thủy sản	38		24	11	3
29	Quản lý thủy sản	10	1	5	4	
30	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	11		9	1	1
31	Quản trị kinh doanh	15		7	8	
32	Quản trị khách sạn	7		6	1	
33	Tài chính - Ngân hàng	15		13	2	
Cộng CBGD chuyên ngành:		415	23	267	108	17
34	CBGD các môn chung (GD khối kiến thức đại cương)	61	12	43	5	1
Tổng cộng CBGD tính đến tháng 11/2019:		476	35	310	113	18

Ghi chú:

- 35 giảng viên có trình độ đại học thuộc các trường hợp giảng viên hướng dẫn thực hành, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc tạm tuyển để cử đi học thạc sĩ.

- Đối với ngành Du lịch và Công nghệ thông tin được Bộ GD&ĐT xác định là hai ngành đặc thù, số lượng giảng viên thỉnh giảng đủ điều kiện được tính vào tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh. Tuy nhiên, bảng thống kê nêu trên nhằm mục đích đánh giá thực trạng đội ngũ, nên không tính số giảng viên thỉnh giảng của hai ngành nêu trên.